

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 120 /NQ-HĐND

Thành phố Lai Châu, ngày 20 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, xã, phường
thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh từ nguồn ngân sách
tỉnh bổ sung cho ngân sách thành phố năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU KHOÁ IV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 12/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu phân bổ, bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán khối tỉnh và các huyện, thành phố để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc phân bổ, bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán khối tỉnh và các huyện, thành phố để thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh năm 2024;

Xét Tờ trình số 5131/TTr-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, xã, phường thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 255/BC-HĐND ngày 20/11/2024 của Ban kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, xã, phường thực hiện các chế độ, chính sách và nhiệm vụ phát sinh từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách thành phố năm 2024, cụ thể như sau:

Tổng kinh phí bổ sung: **28.547.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ, năm trăm bốn mươi bảy triệu đồng chẵn), trong đó:

leahg

1. Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ

- Bổ sung kinh phí thực hiện chế độ tiền lương và tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ cho các cơ quan, đơn vị, xã, phường năm 2024: 27.368.000.000 đồng

2. Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát sinh năm 2024: 130.000.000 đồng

- Bổ sung kinh phí cho Văn phòng HĐND-UBND thành phố nộp lệ phí trước bạ, phí đăng kiểm, cấp biển xe ô tô 7 chỗ 2 cầu phục vụ công tác chung: 130.000.000 đồng.

3. Bổ sung các chế độ chính sách cho các cơ quan, đơn vị, xã, phường năm 2024: 948.000.000 đồng, chi tiết như sau:

- Bổ sung kinh phí cho phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện các chế độ chính sách: 608.000.000 đồng, bao gồm: Chính sách theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ: 393.000.000 đồng; Chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP: 56.000.000 đồng; Chính sách hỗ trợ học tập cho trẻ em, học sinh, sinh viên dân tộc rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP: 119.000.000 đồng; Kinh phí nấu ăn theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh: 37.000.000 đồng; Chính sách hỗ trợ trẻ em 24-36 tháng tuổi theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh: 3.000.000 đồng.

- Bổ sung kinh phí cho phòng Lao động - Thương binh và xã hội 326.000.000 đồng, bao gồm: Chính sách theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ 47.000.000 đồng; Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP, kinh phí cấp thẻ BHYT cho các đối tượng BTXH, Người có công với cách mạng 279.000.000 đồng.

- Bổ sung kinh phí cho Phường Đoàn Kết thực hiện chính sách hỗ trợ đảng viên theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh: 14.000.000 đồng.

4. Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh: 101.000.000 đồng

- Bổ sung kinh phí quỹ tiền lương cán bộ chuyên trách tăng thêm cho Phường Tân Phong theo Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh: 101.000.000 đồng.

(Chi tiết theo phụ lục I, II đính kèm)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao

1. Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

leahq

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu khoá IV, kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận: Chào

- Thường trực HĐND, UBND Tỉnh;
- Thường trực Thành uỷ;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ thành phố;
- Các Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Giàng Thị Xoa**

**BIỂU CHI TIẾT BỔ SUNG CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP
CỦA CHÍNH PHỦ TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG
CHO NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 120 /NQ-HĐND ngày 20 / 11 /2024 của HĐND thành phố Lai Châu)

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
	Tổng cộng:	27.368.000.000	
I	CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐOÀN THỂ	25.225.096.000	
1	Văn phòng Thành ủy	184.583.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	184.583.000	
2	Văn phòng HĐND-UBND	118.188.000	
	- Văn phòng HĐND	31.618.000	
	+ Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	31.618.000	
	- Văn phòng UBND	86.570.000	
	+ Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	86.570.000	
3	Thanh tra thành phố	26.620.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	26.620.000	
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	61.270.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	61.270.000	
5	Phòng Kinh tế	57.662.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	57.662.000	
6	Đội Quản lý trật tự đô thị	48.831.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	48.831.000	
7	Trung tâm phát triển quỹ đất	37.529.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	37.529.000	
8	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp	85.180.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	85.180.000	
9	Trung tâm Chính trị	11.372.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	11.372.000	
10	Ủy ban MTTQ thành phố	31.871.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	31.871.000	
11	Thành đoàn	11.246.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	11.246.000	
12	Hội liên hiệp phụ nữ	20.204.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	20.204.000	
13	Hội nông dân	20.204.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	20.204.000	
14	Hội cựu chiến binh	16.595.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	16.595.000	
15	Hội chữ thập đỏ	10.277.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	10.277.000	



Chữ ký

Chữ ký

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>
16	Phòng Văn hóa và Thông tin	21.130.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	21.130.000	
17	Phòng Lao động - TB&XH	33.640.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	33.640.000	
18	Phòng Nội vụ	46.009.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	46.009.000	
19	Phòng Tư pháp	21.593.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	21.593.000	
20	Phòng Giáo dục và Đào tạo	24.246.203.000	
	- Quản lý nhà nước	37.711.000	
	+ Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	37.711.000	
	- Sự nghiệp giáo dục	24.208.492.000	
	+ Quỹ lương	19.409.143.000	
	+ Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	4.799.349.000	
21	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông	114.889.000	
	- Sự nghiệp truyền thanh	68.220.000	
	+ Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	68.220.000	
	- Sự nghiệp văn hóa	46.669.000	
	+ Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	46.669.000	
II	CÁC XÃ, PHƯỜNG	2.142.904.000	
1	Phường Tân Phong	324.200.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	100.203.000	
	- Phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách cấp xã và tổ dân phố, bản theo NQ số 69/2023/NQ-HĐND	223.997.000	
2	Phường Quyết Thắng	293.061.000	
	- Quỹ lương cán bộ chuyên trách	207.515.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	85.546.000	
3	Xã San Thành	303.184.000	
	- Quỹ lương cán bộ chuyên trách	207.515.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	95.669.000	
4	Phường Quyết Tiến	308.383.000	
	- Quỹ lương cán bộ chuyên trách	208.825.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	99.558.000	
5	Phường Đoàn Kết	302.495.000	
	- Quỹ lương cán bộ chuyên trách	207.514.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	94.981.000	
6	Xã Sùng Phái	302.521.000	
	- Quỹ lương cán bộ chuyên trách	210.517.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	92.004.000	
7	Phường Đông Phong	309.060.000	
	- Quỹ lương cán bộ chuyên trách	207.551.000	
	- Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	101.509.000	



Thắng

leahg



**BIỂU CHI TIẾT BỔ SUNG KINH PHÍ CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, XÃ, PHƯỜNG THỰC HIỆN
CÁC CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH, NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH VÀ NHIỆM VỤ PHÁT SINH TỪ
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 120/NQ-HĐND ngày 20 / 11 /2024 của HĐND thành phố Lai Châu)

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	1.179.000.000	
I	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát sinh năm 2024	130.000.000	
1	Văn phòng HĐND-UBND	130.000.000	
	- Kinh phí nộp lệ phí trước bạ, phí đăng kiểm, cấp biển xe ô tô 7 chỗ 2 cầu phục vụ công tác chung	130.000.000	
II	Bổ sung các chế độ chính sách cho các cơ quan, đơn vị năm 2024	948.000.000	
1	Phòng Giáo dục và đào tạo	608.000.000	
	- Chính sách về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ (đối tượng là trẻ em mầm non, học sinh tiểu học, THCS)	393.000.000	
	- Chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP	56.000.000	
	- Chính sách hỗ trợ học tập cho trẻ em, học sinh, sinh viên dân tộc rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP	119.000.000	
	- Kinh phí nấu ăn theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	37.000.000	
	- Chính sách hỗ trợ trẻ em 24-36 tháng tuổi theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	3.000.000	
2	Phòng Lao động - Thương binh và xã hội	326.000.000	
	- Chính sách về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ (đối tượng là học sinh, sinh viên tốt nghiệp THCS, THPT học tiếp nghề, trung cấp, cao đẳng, đại học)	47.000.000	
	- Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP; kinh phí cấp thẻ BHYT cho các đối tượng BTXH, Người có công với cách mạng	279.000.000	
3	Phường Đoàn Kết	14.000.000	
	- Chính sách hỗ trợ đảng viên theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	14.000.000	
III	Bổ sung kinh phí thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	101.000.000	
1	Phường Tân Phong	101.000.000	
	- Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh	101.000.000	
	+ Quỹ tiền lương cán bộ chuyên trách	101.000.000	




